

Bản án số: 87/2018/HSST
Ngày: 07-9-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN THANH KHÊ - TP ĐÀ NẴNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Đức Tuấn.
- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Lê Hà và bà Lê Thị Nhó.
- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Hoàng Yên Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa:* Bà Lê Thị Minh Anh – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 89/2018/HSST ngày 10 tháng 8 năm 2018 đối với bị cáo:

H - sinh năm: 1986 tại Đà Nẵng.

Nơi cư trú: Số K268/65 đường T, phường T, quận K, thành phố Đà Nẵng; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 12/12; con ông C (s) và bà H1 (s); có chồng nhưng chưa có con; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 15/12/2017, có mặt tại phiên tòa.

- Các bị hại:

+ Bà V - sinh năm: 1977; nơi cư trú: Số 34 đường T, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng (vắng mặt).

+ Ông C1 - sinh năm 1976; nơi cư trú: Số 385 đường T1, quận C, thành phố Đà Nẵng (vắng mặt có lý do).

+ Chị H2 - sinh năm 1993; nơi cư trú: Số K18/13 đường P, quận K, thành phố Đà Nẵng; địa chỉ liên lạc: 261 đường P, quận K, thành phố Đà Nẵng (vắng mặt có lý do).

+ Anh H3 - sinh năm 1987; nơi cư trú: Số K746/52 đường T2, quận K, thành phố Đà Nẵng (vắng mặt có lý do).

+ Chị H4 - sinh năm 1994; nơi cư trú: Số 254 đường T2, quận K, thành phố Đà Nẵng (vắng mặt có lý do).

+ Bà L - sinh năm: 1959; nơi cư trú: Số 03 đường Đ, quận S, thành phố Đà Nẵng (vắng mặt có lý do).

+ Bà U - sinh năm: 1961; nơi cư trú: Số 199 đường H, quận K, thành phố Đà Nẵng (vắng mặt có lý do).

+ Anh H5 - sinh năm: 1984 (Chủ cửa hàng nội thất TH); nơi cư trú: Thôn Đ, xã L, huyện Đ, thành phố Hà Nội; địa chỉ liên hệ: Số 43 đường N, phường H.T, quận C, thành phố Đà Nẵng (vắng mặt).

+ Công ty cổ phần vật liệu cách nhiệt VN; địa chỉ: Thôn Đ1, xã K, huyện H, thành phố Hà Nội; địa chỉ liên hệ: Số 148 đường T, phường M, quận L, thành phố Đà Nẵng; đại diện theo pháp luật là chị P - Chức danh: Giám đốc (vắng mặt).

+ Ông T - sinh năm: 1972; nơi cư trú: Số 650 đường P, quận K, thành phố Đà Nẵng (vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Bà L1 - sinh năm: 1975; nơi cư trú: Số K268/61 đường T, quận K, thành phố Đà Nẵng (vắng mặt có lý do).

+ Bà V1 - sinh năm: 1975; nơi cư trú: Số 287 đường T, quận K, thành phố Đà Nẵng (vắng mặt có lý do).

+ Bà N - sinh năm: 1973; nơi cư trú: Số 240/20 đường D, quận K, thành phố Đà Nẵng; địa chỉ liên lạc: Số 448 đường D, quận K, thành phố Đà Nẵng (vắng mặt có lý do).

+ Anh M - sinh năm 1985; nơi cư trú: Số 36 đường H, quận C, thành phố Đà Nẵng (vắng mặt).

+ Chị V2 - sinh năm: 1984; nơi cư trú: Số K268/63 đường T, quận K, thành phố Đà Nẵng (vắng mặt có lý do).

+ Chị H6 - sinh năm: 1989; nơi cư trú: Số 62 đường D, quận K, thành phố Đà Nẵng (vắng mặt có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ ngày 24/8/2017 đến ngày 01/12/2017, bị cáo H không có nghề nghiệp, không có việc làm, để có tiền chi tiêu cho cuộc sống hàng ngày bị cáo đã dùng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của nhiều người trên địa bàn quận K và các quận khác trên địa bàn thành phố Đà Nẵng. Cụ thể:

Vụ 1: Khoảng 11 giờ ngày 24/8/2017, H đi xe mô tô 43R1-0335 đến Cửa hàng vật liệu xây dựng VP tại số 34 đường T, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng do chị V làm chủ giả vờ đặt mua vật liệu xây dựng nội thất nói dối địa chỉ giao hàng 575 P, Đà Nẵng, cung cấp số điện thoại 0935.329.617. Lúc này, H hỏi chị V cho mượn số tiền 2.000.000 đồng và hẹn giao hàng sẽ trả lại. Tương thật, chị V đưa cho H 2.000.000 đồng. H sử dụng tiêu xài cá nhân hết.

Sau đó, chị V nghi ngờ nên điện thoại vào số 0935.329617 cho H thì điện thoại không liên lạc được. Biết mình bị lừa, chị V đến công an phường H báo sự việc. Đến ngày 28/8/2017, tại Công an phường H, bị cáo đã bồi thường cho chị V số tiền 2.000.000đ và chị V không có yêu cầu gì thêm (BL số: 32;38;40).

Vụ 2: Khoảng 15 giờ 30 phút ngày 11/10/2017, H điều khiển xe Wave biển kiểm soát 43R1-0335 đến cửa hàng dịch vụ mai táng số 385 đường T1, Đà Nẵng gặp anh C1 làm chủ. H nói dối có cha đang nằm bệnh viện sắp chết, yêu cầu anh C1 hôm sau đến nhà trên đường L, thành phố Đà Nẵng để làm dịch vụ mai táng. Sau đó, H mượn anh C1 3.000.000 đồng để làm thủ tục xuất viện và hẹn đến 8 giờ hôm sau anh C1 đến nhà sẽ trả lại; H cho số điện thoại 0935.826546. Đến ngày 12/10/2017, anh C1 không thấy H quay lại còn điện thoại không liên lạc được (BL số: 42-46).

Anh C1 yêu cầu H bồi thường số tiền 3.000.000 đồng.

Vụ 3: Khoảng 13 giờ ngày 13/10/2017, H đến cửa hàng rèm cửa số 261 P, quận K, Đà Nẵng do chị H2 làm chủ giới thiệu mình tên B nhà ở 06 B1, Đà Nẵng và số điện thoại 0905.811804 có nhu cầu làm rèm cửa. H hẹn chị H2 khoảng 17 giờ cùng ngày đến địa chỉ trên để đo kích thước may rèm. Sau đó, H hỏi chị H2 cho mượn 3.000.000 đồng và hẹn chiều qua nhà sẽ trả lại. Đến 16 giờ 30 phút cùng ngày, chị H2 đến địa chỉ trên thì không có ai tên B đặt may rèm cửa, điện thoại không liên lạc được.

Ngày 24/10/2017, chị H2 đến công an phường P báo sự việc. Tại Công an phường P, bị cáo đã thừa nhận thực hiện hành vi lừa đảo và trả lại 3.000.000 đồng cho chị H2 (BL số: 48-49;53-57).

Vụ 4. Khoảng 14 giờ ngày 16/10/2017, H điện thoại cho anh H3 hẹn tới quán cà phê Hiền Châu thuộc phường X, quận K, thành phố Đà Nẵng để làm hợp đồng mai táng cho cha. Quá trình làm hợp đồng, H nói dối anh H3 cha mình chuẩn bị rút ống xuất viện nên cần mượn số tiền 2.500.000 đồng hẹn đến 22 giờ điện thoại cho anh H3 đến làm thủ tục mai táng và trả tiền và cho số điện thoại 0935.329.617. Anh H3 đưa cho H mượn 2.500.000 đồng. Tuy nhiên, đến ngày hôm sau H không quay lại, anh H3 liên lạc vào số điện thoại H cho nhưng không liên lạc được.

Anh H3 yêu cầu H bồi thường số tiền 2.500.000 đồng (BL số: 63-64).

Vụ 5: Khoảng 17 giờ 30 phút ngày 17/10/2017, H điều khiển xe Wave ZX biển kiểm soát 43S4-2005 chở theo cháu A (4 tuổi con chị V2) đến cửa hàng bán gạch, đá ốp tường tại 254 đường T2, thành phố Đà Nẵng gặp chị H4 làm chủ. H nói dối nhà ở 249/19 đường M, có số điện thoại liên lạc 0905.811804 đang làm nhà cần mua đá về ốp tường. Sau khi thoả thuận giá cả, H bỏ đi khoảng 5 phút sau quay lại giả vờ mượn chị H4 1.500.000 đồng và hẹn sáng mai qua đo đá sẽ trả lại.

Sau khi H đi, chị H4 nghi ngờ nên điện thoại vào số máy trên thì không liên lạc được.

Ngày 24/10/2017, chị H4 đến công an phường K báo sự việc. Công an phường K triệu tập H đến làm việc và H đã khai nhận thực hiện vụ lừa đảo trên và đã trả lại số tiền 1.500.000đ cho chị H4 (BL số: 68-74).

Vụ 6: Khoảng tháng 10/2017, Hằng đi xe mô tô hiệu Wave RS biển kiểm soát 43R1-0335 đến cửa hàng dịch vụ mai táng PL tại số: 03 đường Đ, quận S, thành phố Đà Nẵng do chị L làm chủ. H nói dối nhà ở chung cư K, phường NĐ, quận S, thành phố Đà Nẵng và có cha chồng sắp chết nên muốn mua hòm. Sau khi chọn xong hòm, H giả vờ nói bà L cho mượn số tiền 2.000.000 đồng để làm thủ tục xuất viện cho cha và hẹn chị L khi nào giao hòm sẽ trả tiền. Tưởng thật, chị L đưa cho H 2.000.000 đồng. H sử dụng tiêu xài cá nhân.

Chị L yêu cầu H bồi thường số tiền 2.000.000 đồng (BL số: 75-77).

Vụ 7: Khoảng 13 giờ 30 phút ngày 20/11/2017, H đến cửa hàng vật liệu xây dựng tại 199 đường HT, phường K, quận K, thành phố Đà Nẵng do bà U làm chủ. H giới thiệu tên mình là Mai có lô đất trống trên đường LT, Đà Nẵng chuẩn bị làm nhà và cần mua vật liệu xây dựng. H ghi ra giấy một số vật liệu cần mua đưa cho bà U và làm hợp đồng; đồng thời, để tạo lòng tin, H chở bà U đến một lô đất trống cuối đường HT nói là đất của H. Sau đó, H giả vờ hỏi mượn bà U 10.000.000 đồng nói đi mua đồ và sẽ trả ngay. Bà U đưa cho H mượn 10.000.000 đồng. Nhưng đợi hết ngày 20/11/2017, H vẫn không quay lại thì bà U biết mình bị lừa nên đến công an phường K báo sự việc (BL số: 79;87;188).

Ngày 22/11 /2017, H đã trả lại cho bà U 1.000.000 đồng; bà U yêu cầu H bồi thường số tiền 9.000.000 đồng còn lại (BL số: 80-87).

Vụ 8: Khoảng 11 giờ ngày 26/11/2017, Hằng đến cửa hàng bán đồ gỗ TH do anh H5 làm chủ tại số: 43 đường N, thành phố Đà Nẵng gặp anh VH là nhân viên bán hàng. H giả vờ nói anh VH có nhu cầu mua bộ bàn ghế bằng gỗ Sồi giá 8.000.000 đồng. Sau khi chọn và thỏa thuận giá xong, H nói anh VH đưa bộ bàn ghế đến địa chỉ K268/63 đường T, thành phố Đà Nẵng sẽ trả tiền. Anh VH tưởng thật nên chở bộ bàn đến nhà thì H hẹn ngày hôm sau mới trả tiền. Nhiều ngày sau đó, H vẫn không chịu trả tiền. Đến ngày 29/11/2017, H bị một số người chủ nợ đến đòi tiền và định lấy bộ bàn ghế này nên H đến nhà chị L1 mượn 3.000.000 đồng trả cho họ; đồng thời, H đem bộ bàn ghế đến nhà chị L1 gửi. Đến ngày 01/12/2017, anh VH đến nhà H lấy tiền và định sẽ mang bộ bàn ghế về nhưng không thấy và H nói dối đã mang bộ bàn ghế cho em trai. Để trừ nợ, H đưa anh VH 06 cuộn phim cách nhiệt hiệu Pro-house và 600.000 đồng.

Theo kết luận của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự quận Thanh Khê xác định: Bộ bàn ghế bằng gỗ Sồi gồm 01 bàn, 01 ghế dài và 02 ghế nhỏ có giá trị 6.900.000 đồng (BL số: 15-16).

Vật chứng tạm giữ:

- + 01 bộ bàn ghế bằng gỗ sồi gồm: 01 bàn lớn kích thước 1,1m x 0,5m; 01 ghế dài kích thước 1,8m; 02 ghế nhỏ kích thước 0,6m;
- + Số tiền 600.000 đồng;
- + 06 cuộn phim cách nhiệt hiệu Pro – house.

Ngày 09/01/2018, cơ quan điều tra đã trả lại 01 bộ bàn ghế bằng gỗ sồi gồm: 01 bàn lớn kích thước 1,1m x 0,5m; 01 ghế dài kích thước 1,8m; 02 ghế nhỏ kích thước 0,6m cho anh H5. Anh H5 đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường (BL số: 15;88-97;85; 140).

Vụ 9: Khoảng 16 giờ ngày 30/11/2017, H đến Chi nhánh công ty cổ phần vật liệu cách nhiệt VN tại Đà Nẵng địa chỉ 148 T, phường M, quận L, thành phố Đà Nẵng gặp anh KT là người đứng đầu chi nhánh đang bán hàng. Hằng nói dối đang mở gara ô tô VDX tại 507 đường NT, Đà Nẵng nên có nhu cầu mua cuộn cách nhiệt và tiến hành xem hàng. Khoảng 10 giờ ngày 01/12/2017, H quay lại cửa hàng mua 12 cuộn phim cách nhiệt hiệu “Pro-house” yêu cầu anh KT giao hàng tại K268/65 đường T, Đà Nẵng và giả vờ đặt cọc số tiền 1.150.000 đồng, hẹn chờ hàng đến sẽ trả đủ tiền. Khoảng 12 giờ cùng ngày, anh KT chở hàng đến H nói chưa rút tiền kịp và hẹn sẽ thanh toán sau. Đến 13 giờ cùng ngày, H điện thoại yêu cầu anh KT chở thêm 07 cuộn phim cách nhiệt hiệu Pro-house nữa đến địa chỉ 507 đường NT, thành phố Đà Nẵng. Tin tưởng, anh KT giao thêm 07 cuộn phim nữa tổng cộng 19 cuộn với tổng số tiền 17.670.000 đồng nhưng vẫn chưa thanh toán tiền.

Sau đó, H lấy 06 cuộn phim cách nhiệt cho anh VH để trừ nợ bộ bàn ghế ở vụ 9; còn 13 cuộn H chở đến cửa hàng kinh doanh vật liệu TL tại số 287 đường T, thành phố Đà Nẵng bán cho bà V1 được số tiền 9.750.000 đồng, H tiêu xài cá nhân hết.

Theo kết luận của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự quận Thanh Khê: 19 cuộn phim cách nhiệt hiệu Pro - house có giá trị 11.429.000 đồng.

Vật chứng tạm giữ:

- + 13 cuộn phim cách nhiệt Pro-house
- + Số tiền 1.150.000 đồng

Ngày 09/01/2018. Cơ quan điều tra đã trả lại 19 cuộn cách nhiệt nhãn hiệu Pro-house cho người đại diện của công ty cổ phần vật liệu cách nhiệt VN. Đại diện theo ủy quyền là anh KT đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường. Bà V1 yêu cầu Hằng bồi thường số tiền 9.750.000 đồng (BL số: 15;157;100-206).

Vụ 10. Khoảng 15 giờ ngày 02/12/2017, H đến Cửa hàng buôn bán vật liệu DT tại 650 đường P, Đà Nẵng gặp ông T và giới thiệu là chủ gara ô tô VDX, địa chỉ: 507 đường NT, thành phố Đà Nẵng cần mua cuộn phim cách nhiệt. H giả vờ đặt mua 05 cuộn cách nhiệt hiệu Cát Tường và yêu cầu chở đến 507 đường NT. Để tạo niềm tin, H đặt cọc số tiền 1.400.000 đồng và hẹn khi giao hàng sẽ thanh toán đủ.

Khoảng 16 giờ cùng ngày, ông T chở hàng đến số 507 đường NT giao thì H nói chưa rút được tiền hẹn sẽ trả tiền sau.

Đến 11 giờ ngày 03/12/2017, H tiếp tục yêu cầu ông T chở thêm 03 cuộn nữa; tổng cộng 08 cuộn cách nhiệt với tổng số tiền 10.800.000 đồng; H hẹn hôm sau sẽ trả tiếp. Tuy nhiên, khi nhận được 08 cuộn phim cách nhiệt H thuê xe chở đến Cửa hàng kinh doanh nệm, nút KN số 448 đường D, thành phố Đà Nẵng bán cho bà N với số tiền 9.200.000 đồng, sử dụng tiêu xài cá nhân.

Ông T nhiều lần đòi tiền, H trả thêm cho ông T 2.000.000 đồng; đồng thời, để lại xe mô tô hiệu Sirius 77H1-223.75 (*xe này H thuê ở cửa hàng cho thuê xe ĐT, địa chỉ: 62 D, Đà Nẵng*) để trừ nợ.

Theo kết luận của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự quận Thanh Khê: 08 cuộn cách nhiệt hiệu Cát Tường có giá trị 11.600.000 đồng.

Vật chứng tạm giữ:

- + 08 cuộn cách nhiệt hiệu Cát Tường;
- + 01 xe mô tô BKS 77H1-223.75;
- + 01 xe mô tô 43R1-0335;
- + Số tiền 3.400.000 đồng.

Ngày 09/01/2018, Cơ quan điều tra đã trả lại cho ông T 8 cuộn phim cách nhiệt hiệu Cát Tường, ông T đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường. Bà N yêu cầu H bồi thường số tiền 9.200.000 đồng (*Bl số: 15;113-125;147;221*).

Qua điều tra xác định, xe mô tô BLHS 77H1-223.75 do anh LT (*sinh năm: 1993, trú: TV, TS, Bình Định*) đứng tên chủ sở hữu. Vào tháng 10/2016, anh LT bán xe cho vợ chồng chị H6 và anh T1, cùng trú: 62 đường D, thành phố Đà Nẵng là chủ cửa hàng ĐT. Vào ngày 13/12/2017, H đến gặp chị H6 thuê xe sử dụng đi lại. Sau đó, H đưa xe cho anh T trừ nợ. Do đó, ngày 03/01/2018, Cơ quan điều tra đã trả lại xe cho chị H6 (*BL số: 127-136*).

Đối với xe mô tô Wave RS biển kiểm soát 43R1-0335 do anh HM (*chồng của H*) đứng tên chủ sở hữu. H sử dụng xe này để thực hiện hành vi phạm tội, anh HM không biết. Và xe mô tô Wawe ZX biển kiểm soát 43S4-2005 do chị H7 (*sinh năm: 1979, trú: 92B Trần Phú, Đà Nẵng*) đứng tên chủ sở hữu có đưa xe cho em gái V2 sử dụng làm phương tiện đi lại. Hằng mượn xe trên từ chị V2 và sử dụng làm phương tiện phạm tội, chị V2 không biết. Do đó, cơ quan CSĐT công an quận Thanh Khê không đề cập xử lý (*BL số: 164-172*).

Đối với các số điện thoại H đưa cho người bị hại gồm 0935.329.617; 0935.826546 và 0905.811804 là những sim rác hoặc số không có thật. Số sim rác H vứt bỏ không rõ địa chỉ nên không thu hồi được.

Cơ quan điều tra đã chuyển số vật chứng gồm: Xe mô tô Wave RX biển kiểm soát 43R1-0335 và số tiền 5.150.000 đồng đến Chi cục Thi hành án Dân sự quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng quản lý theo quy định pháp luật.

Từ những nội dung trên tại Cáo trạng số: 62/CT-VKS ngày 23 tháng 5 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng đã truy tố bị cáo H về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm b, e khoản 2 Điều 139 của Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng giữ nguyên Cáo trạng đã truy tố bị cáo và đề nghị:

+ Tuyên bố bị cáo H phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

+ Áp dụng: Điểm b, e khoản 2 Điều 139 của Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009; điểm b, r, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 đề nghị xử phạt bị cáo từ 3 năm đến 4 năm tù.

+ Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của BLTTHS đề nghị tuyên trả lại cho ông HM 01 (một) xe mô tô BKS: 43R1-0335; tịch thu sung công quỹ số tiền 5.150.000đ mà bị cáo sử dụng làm phương tiện phạm tội.

+ Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 của BLHS năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 đề nghị buộc bị cáo bồi thường cho: Bà L: 2.000.000đ; bà U: 9.000.000đ; bà V1: 9.750.000đ; bà N: 9.200.000đ.

Đối với hành vi H thuê xe Sirius BKS 77H1-223.75 của chị H6 với mục đích làm phương tiện đi lại. Sau đó, với áp lực đòi nợ của anh T, H đã giao xe 77H1-223.75 cho anh T và anh T không biết xe này do H thuê của người khác. Xét thấy hành vi của H và anh T ở mức độ nên Cơ quan CSĐT công an quận Thanh Khê không xử lý hình sự đối với hành vi của H và anh T là có cơ sở.

Đối với chị V1 và chị N mua các cuộn cách nhiệt từ H nhưng chị V1, chị N không biết đây là tài sản do H phạm tội mà có nên không xử lý hình sự là đúng pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo H thừa nhận đã thực hiện hành vi phạm tội đúng với nội dung Cáo trạng đã truy tố bị cáo. Bị cáo đề nghị HĐXX xem xét hoàn cảnh gia đình để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, tạo điều kiện để bị cáo sớm trở về với cộng đồng, sống có ích hơn cho xã hội và làm ăn để bồi thường cho người bị hại.

Các bị hại bà V, chị H2, chị H4, anh H5, ông T và Công ty cổ phần vật liệu cách nhiệt VN đã nhận được tài sản bị chiếm đoạt, không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm nhưng đề nghị xử lý bị cáo theo quy định của pháp luật.

Bị hại ông C1 và anh H3 không yêu cầu bị cáo bồi thường. Riêng ông C1 xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị hại bà L yêu cầu bồi thường bị cáo bồi thường 2.000.000đ, bà U yêu cầu bị cáo bồi thường 9.000.000đ. Đồng thời bà L và bà U yêu cầu Tòa án xử lý trách nhiệm hình sự đối với bị cáo theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà V1 và bà N trình bày không biết các cuộn cách nhiệt bị cáo mang đến bán là tài sản do phạm tội mà có nên mới mua

và yêu cầu bị cáo trả lại số tiền đã giao. Trong đó bà V1 yêu cầu trả lại 9.750.000đ, bà N yêu cầu trả lại 9.200.000đ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh HM và chị V2 trình bày có giao xe mô tô biển kiểm soát: 43R1-0335 và 43S4-2005 cho bị cáo sử dụng đi lại hàng ngày nhưng bị cáo đã sử dụng 02 xe mô tô này làm phương tiện phạm tội nên HM, chị V2 không biết.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà L1 trình bày có cho bị cáo gửi bộ bàn ghế bằng gỗ Sồi để trong nhà nhưng không biết bộ bàn ghế này là tài sản do bị cáo phạm tội mà có. Bà L1 có cho bị cáo mượn số tiền 3.000.000đ và bị cáo đã trả, nhưng bà L1 không biết nguồn gốc số tiền mà bị cáo đã giao.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị H6 trình bày: Vào khoảng 15h15' ngày 13/12/2017 bị cáo có đến cửa hàng dịch vụ cho thuê xe máy và gặp chị H6 đề nghị cho thuê xe máy để về quê Quảng Ngãi, thời hạn thuê 01 ngày nên hai bên lập hợp đồng. Bị cáo đã đặt cọc trước cho chị H6 số tiền 500.000đ và nhận xe mô tô biển kiểm soát: 77H1-223.75. Sau nhiều ngày không thấy bị cáo trả xe nên chị H6 đến Công an quận Thanh Khê trình báo sự việc vào ngày 23/12/2017. Đến ngày 03/01/2018, Cơ quan CSĐT công an quận Thanh Khê đã trả lại xe mô tô 77H1-223.75 cho chị H6.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai của các bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cũng như các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Do vậy, HĐXX có đủ cơ sở để khẳng định: Từ ngày 24/8/2017 đến ngày 03/12/2017, lợi dụng tâm lý muốn bán được hàng hóa và cung ứng được dịch vụ mai táng của các cá nhân, chủ cửa hàng trên địa bàn các quận K, quận C, quận L và quận S, thành phố Đà Nẵng, bị cáo H tìm cách tiếp cận rồi cung cấp các thông tin giả tạo của bản thân, số điện thoại không có thật, tạo sự tin tưởng đối với các bị hại để thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của họ. Bị cáo đã 11 lần thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt của 10 bị hại được tổng cộng 24.000.000đ tiền mặt, 01 bộ bàn ghế bằng gỗ Sồi và 27 cuộn cách nhiệt các loại. Tổng giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt là 53.929.000đ.

[2] Hành vi trên đây của bị cáo đã phạm vào tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 139 của Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009. Trong vụ án này, bị cáo đã 11 lần thực hiện hành vi phạm tội, bản thân bị cáo là người không có nghề nghiệp, việc làm, lấy kết quả phạm tội làm nguồn sống chính cho bản thân nên hành vi phạm tội thuộc trường

hợp "Có tính chất chuyên nghiệp". Mặt khác, tổng giá trị tài sản mà bị cáo chiếm đoạt trên 50.000.000đ và dưới 200.000.000đ. Do vậy, bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự theo quy định tại các điểm b, e khoản 2 Điều 139 của Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009. Như vậy, Cáo trạng số: 62/CT-VKS ngày 23 tháng 5 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng đã truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[3] Xét về tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo thì thấy: Bị cáo là người trưởng thành và nhận thức được hành vi của mình, vì sự tham lam của bản thân, không chịu làm ăn lương thiện mà tìm cách chiếm đoạt tài sản của người khác. Bị cáo đã có sự chuẩn bị từ trước, tìm hiểu cụ thể địa bàn và thông tin của bị hại mỗi khi thực hiện hành vi phạm tội. Hành vi của bị cáo thể hiện sự xem thường pháp luật, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật hình sự bảo vệ. Nên đối với bị cáo phải áp dụng một hình phạt nghiêm khắc, cách ly ra khỏi xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục và phòng ngừa tội phạm.

[4] Tuy nhiên, trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; sau khi hành vi phạm tội bị phát hiện, bị cáo đã trả lại tiền cho 03 bị hại; trong quá trình điều tra, bị cáo đã tự khai ra những lần phạm tội trước đó chưa bị phát hiện; bị hại ông C1 xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm b, o, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009 mà HĐXX đã xem xét để giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt khi lượng hình.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Các bị hại bà V, chị H2, chị H4, anh H5, ông T và Công ty cổ phần vật liệu cách nhiệt VN đã nhận được tài sản bị chiếm đoạt và không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm; các bị hại ông C1 và anh H3 không yêu cầu bị cáo bồi thường nên HĐXX không xem xét. Đối với các bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan yêu cầu bị cáo bồi thường, cụ thể gồm: Bà L yêu cầu bồi thường 2.000.000đ, bà U yêu cầu bồi thường 9.000.000đ, bà V1 yêu cầu bồi thường 9.750.000đ, bà N yêu cầu bồi thường 9.200.000đ; xét thấy yêu cầu bị cáo bồi thường của những người này phù hợp với quy định tại Điều 42 của Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009 nên HĐXX chấp nhận.

[6] Về xử lý vật chứng: Đối với xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave RS có biển số kiểm soát: 43R1-0335 là tài sản riêng của anh HM mà bị cáo sử dụng làm phương tiện thực hiện hành vi phạm tội nhưng anh HM không biết nên trả lại cho anh HM là phù hợp. Đối với số tiền 5.150.000đ mà Cơ quan cảnh sát điều tra thu giữ, có số tiền 600.000đ bị cáo giao cho anh VH để trả tiền là tài sản riêng của bị cáo, đây không phải là phương tiện phạm tội. Đối với số tiền giao anh KT 1.150.000đ và giao cho ông T 3.400.000đ là để đặt cọc và trả tiền nhưng số tiền

này là tài sản của bà U do bị cáo chiếm đoạt có được. Vì thế, cần phải tiếp tục quy trừ số tiền này để đảm bảo thi hành án cho bà U và những người có yêu cầu bồi thường là phù hợp với quy định tại Điều 41 của Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009 và Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự (vật chứng hiện do Chi cục thi hành án dân sự quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng tạm giữ theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 28/5/2018 và Biên lai thu tiền số: 007045 ngày 28/5/2018).

[7] Đối với số tiền 3.000.000đ mà bị cáo giao cho bà L1 để trả nợ tiền vay vào ngày 29/11/2017 và số tiền 500.000đ mà bị cáo đưa cho chị H6 là tiền mà bị cáo có được do chiếm đoạt tài sản và bán các tài sản chiếm đoạt được mà có, nhưng bị cáo không xác định được cụ thể là tài sản của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nào. Đây là vật chứng của vụ án và là tài sản của bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nên cần phải truy thu và quy trừ số tiền này để đảm bảo thi hành án cho khoản bồi thường đối với họ mới phù hợp với Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

[8] Về án phí: Án phí hình sự sơ thẩm bị cáo phải nộp 200.000đ (*hai trăm nghìn đồng*); bị cáo có nghĩa vụ bồi thường tổng cộng số tiền 29.950.000đ nên bị cáo phải chịu 1.497.500đ tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[9] Trong vụ án này, anh HM và chị V2 có giao xe mô tô biển kiểm soát: 43R1-0335 và 43S4-2005 cho bị cáo sử dụng và bị cáo đã sử dụng 02 xe mô tô này làm phương tiện phạm tội nhưng anh HM, chị V2 không biết; bà L1 có cất giữ giúp 01 bộ bàn ghế bằng gỗ Sồi nhưng không biết đây là tài sản do bị cáo phạm tội mà có nên Cơ quan CSĐT Công an quận Thanh Khê không xử lý là có căn cứ. Đối với bà V1 và bà N có hành vi mua các cuộn cách nhiệt nhưng không biết các cuộn cách nhiệt là tài sản do bị cáo phạm tội mà có nên Cơ quan CSĐT Công an quận Thanh Khê không đề cập xử lý là phù hợp. Riêng ông T có yêu cầu bị cáo giao xe mô tô biển kiểm soát: 77H1-223.75 để đảm bảo bị cáo trả tiền cho tài sản đã bị chiếm đoạt trước đó nhưng ông T không biết xe này của chị H6 nên cơ quan CSĐT không xử lý là có cơ sở.

[10] Trong giai đoạn điều tra và truy tố, những người tham gia tố tụng không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi tố tụng, quyết định tố tụng. Điều tra viên và Kiểm sát viên đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Như vậy, hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên là hợp pháp.

[11] Ngoài ra, vào khoảng 15h00' ngày 13/12/2017 bị cáo đến cửa hàng cho thuê xe máy nói dối với chị H6 thuê xe mô tô biển kiểm soát: 77H1-223.75 để về

quê ở Quảng Ngãi và hẹn trả xe vào ngày hôm sau 14/12/2017. Nhưng cũng trong chiều ngày 13/12/2017 bị cáo lại giao xe này cho ông T để đảm bảo trả tiền đối với tài sản đã chiếm đoạt của ông T. Hành vi này của bị cáo đã thể hiện ý thức chiếm đoạt xe mô biển kiểm soát: 77H1-223.75 của bị cáo và đủ các yếu tố cấu thành tội phạm. Tòa án đã tiến hành trả hồ sơ để điều tra bổ sung 2 lần yêu cầu Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê điều tra bổ sung, xử lý trong cùng vụ án nhưng Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê không thực hiện điều tra bổ sung theo yêu cầu nên HĐXX không có cơ sở để xem xét trong cùng vụ án.

[12] Vì thế, HĐXX kiến nghị đến các cơ quan tiến hành tố tụng cấp trên có thẩm quyền xem xét lại hành vi này của bị cáo để tránh trường hợp bỏ lọt hành vi phạm tội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: Các điểm b, e khoản 2 Điều 139, các điểm b, o, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46, Điều 41 và Điều 42 của Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009; Điều 106 và Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Tuyên bố: Bị cáo H phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Xử phạt: Bị cáo H *03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù*, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 15/12/2017.

2. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo H bồi thường cho các bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tổng số tiền 29.950.000đ (*hai mươi chín triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng*), cụ thể:

- Bồi thường cho bà L: 2.000.000đ (*hai triệu đồng*);
- Bồi thường cho bà U: 9.000.000đ (*chín triệu đồng*);
- Bồi thường cho bà V1: 9.750.000đ (*chín triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng*);
- Bồi thường cho bà N1: 9.200.000đ (*chín triệu hai trăm nghìn đồng*).

3. Về xử lý vật chứng:

Tuyên:

- Trả lại cho anh HM: 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave RS có biển số kiểm soát: 43R1-0335 (vật chứng hiện do Chi cục thi hành án dân sự quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng tạm giữ theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 28/5/2018).

- Tiếp tục quy trừ số tiền 5.150.000đ (*năm triệu một trăm năm mươi nghìn đồng*), hiện do Chi cục thi hành án dân sự quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng tạm

giữ theo Biên lai thu tiền số: 007045 ngày 28/5/2018) để đảm bảo khoản thi hành bồi thường cho các bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, cụ thể chia phần bảo đảm để bồi thường như sau:

- + Bảo đảm phần bồi thường cho bà U số tiền: 4.550.000đ;
- + Bảo đảm phần bồi thường cho bà L, bà U, bà V1 và bà N số tiền: 600.000đ (theo tỉ lệ % tổng số tiền bồi thường).
- Truy thu của bà L1 số tiền 3.000.000đ (*ba triệu đồng*) và bà H6 số tiền 500.000đ (*năm trăm nghìn đồng*) và quy trừ để bảo đảm thi hành án khoản bồi thường cho bà L, bà U, bà V1 và bà N (theo tỉ lệ % tổng số tiền bồi thường).

4. Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000đ (*hai trăm nghìn đồng*) tiền án phí hình sự sơ thẩm và 1.497.500đ (*một triệu bốn trăm chín mươi bảy nghìn năm trăm đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 07/9/2018). Riêng các bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án.

6. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, các bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn yêu cầu thi hành án mà bị cáo không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán số tiền như đã nêu trên thì hàng tháng còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND quận Thanh Khê;
- VKSND TP. Đà Nẵng;
- CQ CSĐT CA quận Thanh Khê;
- CCTHADS quận Thanh Khê;
- Bị cáo;
- Bị hại, đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Đức Tuấn